

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2022/HS-ST**

Ngày 31/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thanh Quang**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

01/ **Danh Trường D**; sinh năm 1996 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố L, Thị trấn L, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Con ông Danh L, sinh năm 1967 và bà Dương Thị C, sinh năm 1967; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

02/ **Danh T**, sinh năm 1995 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh S, sinh năm 1962 và bà Thị Đ (chết); Vợ tên Thị C, sinh năm 2001 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

03/ **Danh T1**, sinh năm 1996 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Đ, xã VP, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Con ông Danh X,

sinh năm 1940 và bà Thị C, sinh năm 1956; Vợ tên Thị Kim C, sinh năm 2003 và có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

04/ **Châu T2**, sinh năm 1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Châu C, sinh năm 1958 và bà Thị S, sinh năm 1957; Vợ tên Thị Kim H, sinh năm 2000 và có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

05/ **Phạm Minh C**, sinh năm 1997 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Út L, sinh năm 1973 và bà Võ Thị N, sinh năm 1973; Vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

06/ **Trương Hữu T3**, sinh năm 1986 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Hữu N, sinh năm 1960 và bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1963; Vợ tên Thị Mỹ H, sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo Danh Trường D và Danh T2: Bà **Trần Thị Diệu-Trợ** giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

Người bị hại: **Công ty Cổ phần chế biến và Dịch vụ thủy sản M- Chi nhánh G**;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Thanh T**- Chức vụ: Phó Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh G

Người làm chứng:

1. Anh **Huỳnh Trọng H**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp Đ 2, xã Y, huyện B, tỉnh G

2. Anh **Trần Thanh N**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp P 2, xã B, huyện T, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Danh Trường D, Danh T, Danh T1, Châu T2, Phạm Minh C và Trương Hữu T3 đều là công nhân làm việc tại Phân xưởng 1 của Công

ty Cổ phần chế biến và Dịch vụ thủy sản M - Chi nhánh G có trụ sở tại: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh G. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17/7/2021, Danh T cùng với Danh T1 đi vào phòng để đồ bảo hộ để kiểm mìn gói thì Tiền thấy có một chùm chìa khóa khoảng 05 chìa được buộc dây lại. T1 biết đó là chìa khóa dùng để mở ổ khóa kho tôm nguyên liệu liền lấy đem qua mở cửa kho thử thì mở được nên đem trả về vị trí cũ. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, T1 gặp Danh Trường D và rủ D đi lấy trộm tôm đem về chia nhau thì D trả lời có gì tính sau.

Đến khoảng 03 giờ ngày 17/7/2021, D, T, T3, Danh T1 và Châu T2 đi ra ngoài hành lang để hút thuốc. Tại hành lang, D rủ T, T3, Danh T1 và Châu T2 đi lấy trộm tôm ở kho cấp đông tại Phân xưởng 2 thì tất cả đều đồng ý. Châu T2 đi vào kho lấy 03 vỏ bao nylon màu trắng, loại dùng để chứa hóa chất để đựng tôm. T2 lấy một cái bao giấu vào trong áo, còn lại đưa cho T3 và Danh T1 mỗi người một cái bao và đi đến kho chứa tôm nguyên liệu còn D vẫn ngồi tại hành lang để quan sát canh cho cả nhóm lấy trộm. Sau khi T, T3, Danh T1 và Châu T2 vừa đi được khoảng 05 mét thì Phạm Minh C đi ra gặp và hỏi D những người kia đi đâu. D cho C biết là đi lấy trộm tôm, nếu C có muốn đi theo thì đi. C biết được là cả nhóm đi lấy trộm tôm nên đồng ý và lấy một cái bọc nylon màu xanh đi theo. Do cửa kho ở phân xưởng 2 bị khóa lại nên T lấy chìa khóa để ở trên nóc tủ trong phòng để đồ bảo hộ đưa cho Danh T1 mở cửa kho. T3, Danh T1, Châu T2 mỗi người cầm một bao nylon màu trắng loại dùng đựng hóa chất, C cầm một bọc nylon màu xanh cùng đi vào trong kho để lấy tôm. T đứng ở trước cửa kho để canh cho những người phía trong lấy trộm. T3, C, Danh T1, Châu T2 đi đến mở thùng (bơ) bảo quản tôm thẻ chân trắng nguyên liệu xúc tôm bỏ vào trong 03 bao và 01 bọc nylon. Khoảng 05 phút sau, T3, C, Danh T1, Châu T2 mang các bao và bọc nylon tôm lấy trộm mang ra ngoài. Danh T1 khóa cửa kho lại và đưa chìa khóa cho T đem trả về vị trí cũ. Tất cả đem số tôm lấy trộm chia ra 04 bọc nylon màu đen nhét ở gần đó và cất giấu tại khu vực cầu thang. T3, Châu T2, C trở vào trong xưởng làm việc, Danh T1 đi một mình ra khỏi cổng trước công ty để mua đồ ăn.

Do công ty có bảo vệ trực ngoài cổng ngày hôm đó là Huỳnh Trọng H nên D và T đến gặp H để nói với H nhằm mang tôm đã lấy trộm được đem ra ngoài cổng. H đồng ý với điều kiện phải cho H 02kg tôm, D và T đồng ý. Thời điểm này, Danh T1 đã đi ra ngoài khu vực ngoài cổng công ty để lấy xe. Tại cổng chính có lắp camera quan sát nên D đi vào khu vực hồ cá trong công ty nhét một ống nhựa phi 49 dài 1,75 mét che camera lại để cho C, T, Châu T1 và T3 đem 04 bọc nylon chứa tôm đi ra ngoài. Sau đó, C và Danh T1 đem số tôm trên về cất giấu tại phòng trọ của C ở nhà trọ Hoàng T2, ấp P, xã A, huyện T. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, anh Trần Thanh N kiểm tra và phát hiện tôm bị mất trộm nên báo công ty. Đến khoảng 07 giờ ngày

17/7/2021, D, T, C tan ca và đến phòng trọ của C để chia tôm lấy trộm được. Trong đó, C được chia 6,4kg tôm, Tiền 5,9kg tôm, còn lại 35,2kg tôm do D giữ chưa chia thì bị lực lượng công an phát hiện, thu giữ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Danh Trường D, Danh T, Danh T1, Châu T2, Phạm Minh C và Trương Hữu T3 thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

* Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 30/KL-HĐĐGTS, ngày 27/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: “47,5 ki lô gam tôm thẻ chân trắng nguyên liệu, loại 32 con/kg có giá tại thời điểm tháng 7/2021 là 7.443.250 đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng)”.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

*** Vật chứng trong vụ án:**

- Tôm thẻ chân trắng, trọng lượng 35,2kg, loại 32 con/kg do Danh Trường D tự nguyện giao nộp.

- Tôm thẻ chân trắng, trọng lượng 5,9kg, loại 32 con/kg do Danh T tự nguyện giao nộp.

- Tôm thẻ chân trắng, trọng lượng 6,4kg, loại 32 con/kg do Phạm Minh C tự nguyện giao nộp.

Tất cả đã được trao trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Bùi Văn T.

- 01 (một) USB màu đen, sandisk CZ600, 16GB được niêm phong trong một phong bì màu trắng có chữ Công ty Cổ phần chế biến & dịch vụ thủy sản Cà Mau Chi nhánh Kiên Giang. Có chữ ký Trần Minh H, Bùi Văn T, đóng dấu mộc đỏ của Công an xã A, huyện T, tỉnh G. Đã được đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) ống nhựa tròn phi 49, dài 1,75m, đã được nhập kho vật chứng. Đây là đồ vật bị can Danh Trường D nhặt dùng để che camera, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Ông Lê Thanh T là đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần chế biến và Dịch vụ thủy sản M yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường đối với thiệt hại 67,5kg tôm qua kiểm đếm tại công ty. Các bị cáo đồng ý và đã bồi thường số tiền 10.472.000 đồng (mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng), ông T đã nhận lại và chỉ có yêu cầu xử lý các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bảo vệ công ty Huỳnh Trọng H là người đã mở cổng công ty để các bị cáo đem tôm đã lấy trộm được ra ngoài. Tuy nhiên, hành vi của H diễn ra sau khi các bị cáo đã hoàn thành việc lấy trộm tài sản nên không cấu thành tội phạm.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-CT ngày 17/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo **Danh Trường D**, **Danh T**, **Danh T1**, **Châu T2**, **Phạm Minh C** và **Trương Hữu T3** về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Danh Trường D**, **Danh T**, **Danh T1**, **Châu T2**, **Phạm Minh C** và **Trương Hữu T3** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

1/Xử phạt bị cáo **Danh Trường D** từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

2/Xử phạt bị cáo **Danh T** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

3/Xử phạt bị cáo **Danh T1** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

4/Xử phạt bị cáo **Châu T2** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

5/Xử phạt bị cáo **Phạm Minh C** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

6/Xử phạt bị cáo **Trương Hữu T3** từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống nhựa tròn phi 49, dài 1,75m, đã được nhập kho vật chứng. Đây là đồ vật bị can **Danh Trường D** nhặt dùng để che camera, không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

* Người bào chữa cho các bị cáo **Danh Trường D** và **Danh T1**- Bà **Trần Thị Diệu**- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang trình bày ý kiến:

Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên Trợ giúp viên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, cũng mong HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; các bị cáo có học vấn thấp và người dân tộc khomer nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế; Hoàn cảnh gia đình khó khăn và sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Do đó, Trợ giúp viên đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo Danh Trường D và Danh T1 được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo mức án bằng mức thấp nhất mà VKS đề nghị cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Các bị cáo Danh Trường D và Danh T1 không có ý kiến với ý kiến phát biểu của trợ giúp viên.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 17/7/2021, tại Phân xưởng 2 của Công ty Cổ phần chế biến và Dịch vụ thủy sản M- Chi nhánh G thuộc ấp P, xã A, huyện T, tỉnh G, Danh Trường D, Danh T, Danh T1, Châu T2, Phạm Minh C và Trương Hữu T3 đã lén lút lấy trộm 47,5 ki lô gam tôm thẻ chân trắng nguyên liệu, loại 32 con/1kg. Tôm thẻ bị lấy trộm qua định giá có giá trị là 7.443.250 đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Đôi chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”. Như vậy, hành vi lén lút lấy tài sản có giá trị

7.443.250 đồng của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều nhận thức được việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù nhận thức được hậu quả xảy ra thế nhưng chỉ vì chây lười lao động nên khi phát hiện chìa khóa kho tôm ở trong phòng để đồ bảo hộ không người quản lý, T đã lén lút lấy chìa khóa mở kho tôm và sau đó các bị cáo cùng rủ nhau vào kho tôm lấy trộm đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhân thân các bị cáo tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có trình độ học vấn thấp; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bên cạnh đó, các bị cáo Danh Trường D, Danh T, Danh T1, Châu T2 là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế nên các bị cáo được áp dụng chung các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình là phù hợp và thể hiện tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Do các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng đồng thời đối chiếu với Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, không cần phải tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho bị cáo tự thân học tập, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Xét đề nghị của Trợ giúp viên Trần Thị Diệu- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Danh Trường D và Danh T là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Lê Thanh T đại diện theo ủy quyền cho bị hại Công ty Cổ phần chế biến và Dịch vụ thủy sản M có đơn xin xét xử

vắng mặt và trong đơn ông T có thể hiện rõ Công ty đã nhận lại tài sản mất trộm và tiền bồi thường thiệt hại xong nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) ống nhựa tròn phi 49, dài 1,75m, đã được nhập kho vật chứng. Đây là đồ vật bị cáo Danh Trường D nhặt dùng để che camera, không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[10] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Trường D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

01/ Xử phạt bị cáo **Danh Trường D 09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Danh Trường D cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

02/ Xử phạt bị cáo **Danh T 09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Danh T cho Ủy ban nhân dân xã Hòa, huyện T, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh Tuấn phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

03/ Xử phạt bị cáo **Danh T1 06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Danh T1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Châu T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

04/ Xử phạt bị cáo **Châu T2 06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Châu T2 cho Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

05/ Xử phạt bị cáo **Phạm Minh C 06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Minh C cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu T3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

06/ Xử phạt bị cáo **Trương Hữu T3 06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **01** (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Hữu T3 cho Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) ống nhựa tròn phi 49, dài 1,75m, đã được nhập kho vật chứng. Đây là đồ vật bị cáo Danh Trường D nhặt được để che camera, không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 11/QĐ-VKSCT ngày 17/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc các bị cáo Danh Trường D, Danh T, Danh T1, Châu T2, Phạm Minh C và Trương Hữu T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong